

Số: 115 /2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu phí đấu giá trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTUQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/06/2002 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng và Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 4/2/2004 của Bộ Tài chính quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 96/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá và công văn số 13158/BTC-VP ngày 24/10/2006 của Bộ Tài chính v/v Đính chính Thông tư số 96/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 13/7/2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khoá XIII Kỳ họp thứ 9;

Xét đề nghị của Liên ngành Tài chính - Cục Thuế TPHN - Kho bạc Nhà nước Hà Nội tại Tờ trình số 1529/TTrLN: TC-CTHN-KBNNHN ngày 7/5/2007 và Liên ngành Cục Thuế TPHN - Tài chính - Kho bạc Nhà nước Hà Nội tại Tờ trình liên ngành số 6906 TTrLN/CTHN-STC-KBHN ngày 7/6/2007,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Đối tượng nộp phí

Người có tài sản bán đấu giá (chủ sở hữu tài sản hoặc người được chủ sở hữu uỷ quyền bán tài sản hoặc cá nhân, tổ chức có quyền bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật) và người tham gia đấu giá tài sản.

### Điều 2. Mức thu phí bán đấu giá tài sản theo quy định tại Nghị định số 05/2005/NĐ-CP:

1. Mức thu phí đấu giá đối với người có tài sản bán đấu giá:

a) Trường hợp bán được tài sản bán đấu giá thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được, như sau:

STT	Giá trị tài sản bán được	Mức thu
1	Từ 1.000.000 đồng trở xuống	50.000 đồng
2	Từ trên 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	5% giá trị tài sản bán được
3	Từ trên 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	5.000.000 đồng + 1,5% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 100.000.000 đồng
4	Trên 1.000.000.000 đồng	18.500.000 đồng + 0,2% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 1.000.000.000 đồng

b) Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho đơn vị bán đấu giá các chi phí theo quy định tại khoản 2, Điều 26, Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

2. Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá:

a) Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá, như sau:

STT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20.000.000 đồng trở xuống	20.000
2	Từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	50.000
3	Từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	100.000
4	Từ trên 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	200.000
5	Trên 500.000.000 đồng	500.000

b) Trường hợp cuộc đấu giá tài sản không được tổ chức thì người tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ số tiền phí đấu giá tài sản mà người tham gia đấu giá tài sản đã nộp.

**Điều 3. Mức thu phí bán đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định tại Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg**

Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá được quy định tương ứng với giá khởi điểm của quyền sử dụng đất hoặc diện tích đất bán đấu giá, như sau:

1. Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 của Quy chế Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất ban hành kèm theo Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg

STT	Giá khởi điểm của quyền sử dụng đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200.000.000 đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	200.000
3	Trên 500.000.000 đồng	500.000

2. Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất khác quyền sử dụng đất quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3 của Quy chế Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất ban hành kèm theo Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	3.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	4.000.000
4	Từ trên 5 ha	5.000.000

**Điều 4. Đơn vị thu phí**

1. Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản thuộc Thành phố Hà Nội.
2. Đơn vị sự nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản thuộc Thành phố Hà Nội.

Đơn vị thu phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí, mức thu phí, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu phí phải cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định.

**Điều 5. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được**

1. Đối với đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản: Phí đấu giá thu được là khoản thu thuộc

ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

a) Trường hợp đơn vị thu phí đã được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho việc tổ chức bán đấu giá thì đơn vị thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Trường hợp đơn vị thu phí chưa được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho việc tổ chức bán đấu giá thì đơn vị thu phí được sử dụng toàn bộ (100%) tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá và thu phí theo chế độ quy định.

2. Đối với đơn vị thu phí là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản: Phí đấu giá thu được là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Tiền phí thu được là doanh thu của đơn vị thu phí. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

3. Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo quy định tại Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg mà tiền thu từ phí đấu giá của người tham gia đấu giá không đủ bù đắp chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá thì ngân sách nhà nước hỗ trợ phần kinh phí còn thiếu đối với việc tổ chức bán đấu giá đó, theo nguyên tắc sau:

a) Giá trị quyền sử dụng đất đấu giá là khoản thu thuộc ngân sách cấp nào (không phân biệt đấu giá thành hay không thành) thì ngân sách cấp đó có trách nhiệm đảm bảo kinh phí hỗ trợ;

b) Số tiền hỗ trợ là khoản chênh lệch giữa chi phí thực tế, hợp lý cho việc bán đấu giá (có hoá đơn, chứng từ hợp pháp) trừ đi số phí đấu giá thu được từ người tham gia đấu giá, nhưng không vượt quá số phí đấu giá tính theo mức thu được quy định theo điểm a, khoản 1, Điều 2 của Quyết định này.

#### **Điều 6. Chứng từ thu phí**

1. Đối với doanh nghiệp bán đấu giá tài sản: sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng do Cơ quan Thuế phát hành.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị Nhà nước: sử dụng biên lai thu phí, lệ phí do Cơ quan Thuế phát hành.

#### **Điều 7. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

#### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 100/2005/QĐ-UB ngày 13/7/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu phí đấu thầu, đấu giá trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

## Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục Thuế Thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. V.Tus

### Nơi nhận:

- Như Điều 9;
  - TT Thành Ủy, TT HĐND TP; (đề)
  - Bộ Tài chính; (báo)
  - Đ/c CT UBND TP; (cáo)
  - Các đ/c PCT UBND TP;
  - CPVP, các Phòng CV;
  - Lưu VT. hnh
- (UBND quận, huyện sao gửi  
Quyết định này đến UBND xã,  
phường, thị trấn trực thuộc)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Hoàng Mạnh Hiền**